

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **381/2021/QĐST-HNGĐ**

Ba Đình, ngày 02 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 369/2021/TLST-VHNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Chị **Trần Thu T**, sinh năm 1992; Giấy chứng minh nhân dân số: 012937607 cấp ngày 11/3/2007 tại Công an thành phố Hà Nội; đăng ký hộ khẩu: Tổ 25B Cụm 3, phường T, quận T, thành phố H; nơi cư trú: Số 105 – C9 Tập thể T, phường T, quận B, thành phố H và anh **Nguyễn T**, sinh năm 1989, Giấy chứng minh nhân dân số: 012690373 cấp ngày 26/7/2011 tại Công an thành phố Hà Nội; Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Tổ 25B Cụm 3, phường T, quận T, thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện; Việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Quan hệ hôn nhân của chị Trần Thu T và anh Nguyễn T là hợp pháp có Giấy chứng nhận kết hôn số: 21; ký ngày 14 tháng 02 năm 2019 tại UBND phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Trần Thu T** và anh **Nguyễn T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Trần Phúc K**, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2019. Giao chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K. Anh T tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung và nhà ở:** Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì;

- Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Trần Thu T tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0067235 ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- UBND phường T, quận B, thành phố H;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long